

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **224/2020/DSST**

Ngày: 27/8/2020

V/v tranh chấp: “ Đòi quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ di dời tài sản trên đất ”

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

*Các Hội thẩm nH dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Nam.

2. Ông Nguyễn Hoa Kiều.

**- T4 ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Dương Kim Cương, là T4 ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Phụng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 và ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 227/2018/TLST-DS ngày 11/7/2018 về tranh chấp “ Đòi quyền sử dụng đất, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-DS ngày 02/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2020/QĐ-ST ngày 02/7/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 06/TB -TA ngày 20/8/2020 giữa các đương sự:

\* Nguyên Đn: Bà Huỳnh Thị Mỹ P, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: chung cư CG, phường CG, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Trần Văn T1, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp MT, xã MTA, huyện CG, tỉnh Tiền Giang;

\* Bị Đn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965 (xin vắng);

Bà Võ Thị Mộng T2, sinh năm 1968 (có mặt);

Anh Nguyễn Văn Tuấn C, sinh năm 1993 (xin vắng);

Cùng địa chỉ: Ấp MT, xã MTA, huyện CG, Tiền Giang.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Văn T3, sinh năm 2004 (con ông Đ, bà T2);

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị Mộng T2.

Chị Trần Thị Minh T4, sinh năm 1998 (xin vắng);

Cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2018 (con anh C và chị T4)

Địa diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Văn Tuấn C và chị Trần Thị Minh T4;

Cùng địa chỉ: Ấp MT, xã MTA, huyện CG, Tiền Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ P cùng đại diện theo ủy quyền của bà P ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Vào ngày 08/5/2015 chị P có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với hộ ông Nguyễn Văn Đ thửa đất số 463, tờ bản đồ số 21, diện tích 192,2 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn 20m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 172,2m<sup>2</sup>; Địa chỉ thửa đất ấp MT, xã MTA, huyện CG, tỉnh Tiền Giang với giá 140.000.000 đồng. Trên đất có căn nhà thô sơ, vách lá, cột xi măng mái lợp tole. Đến ngày 04/01/2016 bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên;

Do trên đất có nhà nên giữa bà P với hộ ông Nguyễn Văn Đ có thỏa thuận bà P cho hộ ông Đ ở tạm trên phần đất của bà P trong thời gian 02 năm kể từ ngày 07/12/2015 đến ngày 07/12/2017 nếu hộ ông Đ có tiền thì bà P cho chuộc lại và phải chịu lãi suất 0.5%/tháng. Nhưng đã hết thời hạn trên hộ ông Đ không chuộc lại và cũng không bàn giao đất. Nay bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ ông Nguyễn Văn Đ gồm ông Đ và bà T2, anh C phải tháo dỡ di dời căn nhà và trả lại thửa đất số 463, tờ bản đồ số 21, diện tích 192,2 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn 20m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 172,2m<sup>2</sup>; Địa chỉ thửa đất ấp MT, xã MTA, huyện CG, tỉnh Tiền Giang; Phía bà P hỗ trợ cho hộ chị T2 20.000.000 đồng để tháo dỡ, di dời nhà.

\* *Bị đơn bà Võ Thị Mộng T2 trình bày:* Bà và chồng bà với con bà không có bán đất cho bà P như bà P khai, bà chỉ vay của bà P nhiều lần với số tiền là 80.000.000 đồng, bà P yêu cầu bà đưa giấy tờ đất cho bà P giữ để làm tin, nên bà có đưa cho bà P giấy tờ đất đứng tên chồng bà Nguyễn Văn Đ, nên sau đó bà P tự ý mời công chứng đến nhà bà kêu ký tên để làm tin chứ bà không biết là chuyển nhượng đất, nên bà và chồng, con có ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà P nói cho bà 5 đến 6 năm sẽ chuộc lại, nên gia đình ký tên để làm tin, mỗi năm bà sẽ trả lãi cho bà P theo mức lãi suất bà P gửi tiết kiệm 0.5%/tháng nên bà tin tưởng bà P. Sau đó, bà có đến trả lãi cho bà P nhiều lần nhưng bà P không lấy mà yêu cầu để cả năm rồi lấy luôn một lần, bà đã trả lãi cho bà P khoảng 67.000.000 đồng vì lúc đó thân nhau như chị em ruột. Sau đó, bà P có mâu thuẫn với bà nên khởi kiện yêu cầu bà tháo dỡ nhà trả đất.

Hiện trên đất có căn nhà là nơi ở duy nhất của cả gia đình bà, ngoài phần đất này không còn phần đất nào khác nữa, giữa bà và bà P là vay mượn với nhau chứ không có mua bán vì nhà bà đang ở, không có thỏa thuận trong hợp đồng bán đất nên bà phản tố đề nghị Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa gia đình bà với bà P, bà đồng ý trả lại tiền theo hợp đồng 140.000.000 đồng và lãi những năm nay là 40.000.000 đồng. Tổng cộng 180.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn Tuấn C không có ý kiến gì xin vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Minh T4 không có ý kiến gì xin vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng;

Tại phiên tòa chị P trình bày: Bà và hộ ông Đ ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hai bên có thỏa thuận do căn nhà thô sơ nên để gia đình ông Đ tiếp tục ở trong thời hạn hai năm vì bà đang ở nhà thuê, thời hạn thuê cũng hai năm. Khi đến hạn bà có yêu cầu hộ ông Đ giao đất nhưng ông Đ, bà T2 không giao, ông Đ đòi bà đưa thêm 100.000.000 đồng, anh C đòi 50.000.000 đồng tại lúc hòa giải ở xã, lúc đó bà không đồng ý nên chuyển hồ sơ ra Tòa án giải quyết. Nay bà yêu cầu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc hộ ông Đ tháo dỡ di dời một phần mái nhà để giao đất cho bà, bà tự nguyện hỗ trợ cả giá trị căn nhà là 30.000.000 đồng và hỗ trợ chi phí tìm chỗ ở mới cho hộ ông Đ 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 50.000.000 đồng, đồng thời cho hộ ông Đ lưu cư trong thời hạn 03 tháng kể từ khi án có hiệu lực.

Tại phiên tòa bà Võ Thị Mộng T2 xin rút yêu cầu phản tố, không yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà P với hộ gia đình bà, bà chỉ yêu cầu bà P cho chuộc lại đất với giá 200.000.000 đồng;

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, thẩm phán đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa các đương sự có thực hiện đúng các qui định về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà T2, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình bà T2 với bà P vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

Kiến nghị sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Huỳnh Thị Mỹ P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy;*

[1] Về tố tụng: Các đương sự trong hộ bà T2 gồm anh C, ông Đ, chị T4 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo qui định.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ theo yêu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị Mộng T2 tháo dỡ di dời tài sản trên đất giao bà P phần đất đã chuyển nhượng, phía bà T2 không đồng ý yêu cầu bà P cho chuộc lại đất (chuyển nhượng lại) nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh **chấp** “hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đòi quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản để giao đất” theo quy định Điều 166, Điều 169, Điều 500 Bộ luật dân sự;

[3] Thẩm quyền giải quyết: Phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp MT, xã MTA, huyện CG nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ P yêu cầu hộ bà T2 ông Đ phải tháo dỡ một phần nhà (cháy bên hong nhà) trả lại quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng cho bà và bà đồng ý hỗ trợ giá trị nhà 30.000.000 đồng, hỗ trợ di dời tài sản là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 50.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng kể từ khi án có hiệu lực;

[5] Xét hợp đồng mua bán tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 463, tờ bản đồ số 211, diện tích 192,2m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp MT, xã MTA, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang do hộ ông Đ, bà T2 chuyển nhượng cho chị P thì thấy rằng:

[5.1] Đối với giao dịch mua bán chuyển nhượng đất được xác lập giữa hộ ông Đ với bà P có lập hợp đồng bằng văn bản được công chứng, chứng thực phù hợp với quy định của pháp luật về hình thức của hợp đồng, bên mua, bên bán đã thừa nhận đã nhận đủ tiền chuyển nhượng đất, phía bên mua đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự thì việc chuyển nhượng đất phù hợp quy định của pháp luật. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận thời hạn giao đất sau hai năm kể từ ngày chuyển nhượng nếu không chuộc lại đất thì phải giao đất. Tuy nhiên, đến hạn giao đất thì phía hộ ông Đ không giao đất và cũng không chuộc lại đất theo thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp.

[5.2] Tại phiên tòa bà T2 cho rằng bà không có bán đất cho bà P, bà chỉ chuyển nhượng đất cho bà P, bà không hiểu chuyển nhượng đất là bán đất nên gia đình bà nhầm lẫn nên mới ký tên chuyển nhượng đất, tại tòa bà xin rút yêu cầu phản tố hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ gia đình bà với bà P, chỉ xin bà P cho chuộc lại phần đất tranh chấp với giá 200.000.000 đồng nên Tòa án đình chỉ yêu cầu phản tố đối với yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Đ, bà T2 với bà P. Đối với yêu cầu chuộc lại đất (chuyển nhượng lại) phía bà P không đồng ý nên không có căn cứ để xem xét: Bởi lẽ, hiện bà P có nhu cầu ở trên phần đất này. Khi hai bên giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, theo lời khai của bà P thì hai bên không thỏa thuận về nhà trên đất vì do căn nhà có kết cấu thô sơ, mái tôn, cột xi măng, nên hai bên thống nhất trong thời hạn hai năm giao đất thì căn nhà cũng phải tháo dỡ để làm lại vì không còn sử dụng được. Xét lời khai của bà P là có căn cứ, vì giá trị sử dụng căn nhà trên hiện chỉ còn 25%, giá chỉ 29.302.470 đồng, chỉ có ½ nhà (cháy bên hong nhà) nằm trên đất bà P nhận chuyển nhượng, ½ nhà còn lại nằm trên thửa đất số: 464, tờ bản đồ số 21, diện tích 257,3m<sup>2</sup> do gia đình ông Đ đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Ngọc L đứng tên vào

ngày 27/11/2015, đều có nghĩa khi chuyển nhượng đất cho bà P thì gia đình ông Đ, bà T2 đã chuyển nhượng phần đất gắn liền ngôi nhà trên đất cho chị Lạc, chỉ có một phần nhà trên đất bán cho chị P, có cơ sở xác định gia đình ông Đ không có ý định ở tiếp tục trên ngôi nhà này vì tại Tòa bà T2 cũng thừa nhận nếu chị L yêu cầu hộ gia đình bà tháo dỡ, di dời trả đất cho chị L thì bà cũng đồng ý tháo dỡ di dời trả đất cho chị L, chứng tỏ hộ bà T2 khi bán đất không có ý chỉ định đoạt căn nhà này. Mặt khác, bà T2 không cung cấp giấy tờ gì chứng minh việc chuyển nhượng đất để che đậy cho hợp đồng vay tiền giữa bà với bà P, hay bà P có hành vi dụ dỗ ép buộc gia đình bà bán đất;

[5.3] Căn cứ theo biên bản xác minh ngày 14/8/2020 thì thực tế giá đất tranh chấp tại thời điểm chuyển nhượng vào ngày 08/5/2015 thì giá đất bà T2 chuyển nhượng cho bà P giá 140.000.000 đồng là hợp lý, không thấp hơn giá thực tế tại thời điểm, vì bà T2 cũng thừa nhận vào thời điểm bán đất cho bà P thì bà T2 cũng bán đất cho chị L với giá 110.000.000 đồng/257,3 m<sup>2</sup>, tại biên bản hòa giải tại ủy ban nhân dân xã MTA hộ ông Đ, bà T2, anh C cũng thừa nhận có chuyển nhượng đất cho bà P, nay đồng ý di dời nhà với điều kiện bà P hỗ trợ từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng để di dời. Nay thực tế đất tranh chấp có giá cao do đất giáp đường Cự Đà, đường được nâng cấp nên giá đất tăng cao so với trước nên hộ ông Đ, bà T2 nay ra không có chuyển nhượng đất cho bà P để không giao đất là không phù hợp.

[5.4] Đối với yêu cầu của bà P yêu cầu hộ ông Đ, bà T2 tháo dỡ một phần nhà để giao đất cho bà là có căn cứ vì hiện tại nhà của bà T2, ông Đ có thể tháo dỡ, di dời đi nơi khác và hiện nay đã xuống cấp trầm trọng, căn nhà có kết cấu thô sơ, vách gỗ tạp, có 01 vách tường khoảng 1m không tô hai mặt, vách còn lại gỗ dứa, cột xi măng bê tông đúc sẵn, đỡ mái gỗ tạp giá trị hiện còn tại thời điểm định giá 25% với giá 29.302.470 đồng, bà P đồng ý hỗ trợ toàn bộ giá trị nhà 30.000.000 đồng và hỗ trợ thêm chi phí di dời nhà 20.000.000 đồng nên việc buộc bà T2 di dời nhà giao đất cho bà P là hợp lý, không thiệt thòi quyền lợi của gia đình bà T2, ông Đ. Tuy nhiên, đối với yêu cầu tháo dỡ một phần nhà của bà P là không khả thi, khó khăn cho việc Thi hành án vì căn nhà kết cấu thô sơ tháo dỡ một phần thì phần còn lại không thể giữ nguyên được hiện trạng nên cần buộc bà T2 và hộ bà T2, ông Đ có nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ căn nhà thô sơ nêu trên để giao trả đất cho bà P mới đảm bảo cho việc thi hành án, nhằm tránh thiệt thòi quyền lợi của bà P mới phù hợp.

[5.5] Tại tòa bà P đồng ý cho hộ ông Đ di dời nhà thời hạn 03 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, nhằm tạo điều kiện bà T2 có thời gian di dời tài sản, ổn định chỗ ở mới nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện này của bà P là phù hợp pháp luật.

[6] Đối với ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn Tuấn C, chị Trần Thị Minh T4 không có ý kiến phản đối gì về việc tranh chấp của bà P đối với các đương sự và xin vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng tại Tòa án.

[7] Về chi phí tố tụng: bà P tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định giá và đo đạc nên không đặc ra xem xét;

[8] Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa;

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166, Điều 169, Điều 430, Điều 500, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 203 Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ P.

[1.1] Buộc hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị Mộng T2, anh Nguyễn Văn Tuấn C, chị Trần Thị Minh T4 phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời căn nhà có kết cấu BKCA1, nền xi măng, cột bê tông, đỡ mái gỗ tạp, mái tôn xi măng, vách gỗ tạp, 01 vách tường không tô hai mặt, diện tích 89.61m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp MT, xã MTA, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

[1.2] Buộc hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị Mộng T2, anh Nguyễn Văn Tuấn C, chị Trần Thị Minh T4 giao thừa đất số 463, tờ bản đồ số 21, diện tích 192,2 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn 20m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 172,2m<sup>2</sup>; Địa chỉ thửa đất ấp MT, xã MTA, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN:CS00008 cấp ngày 27/11/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ chuyển quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị Mỹ P theo hồ sơ số 000022.CN.001 ngày 04/01/2016 cho bà Huỳnh Thị Mỹ P.

[1.3] Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ giá trị nhà và chi phí di dời tài sản của bà Huỳnh Thị Mỹ P cho hộ ông Nguyễn Văn Đ là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);

[1.4] Thời hạn tháo dỡ, di dời căn nhà trên sau 03 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật; Việc tháo dỡ, di dời nhà, giao đất và giao tiền cùng một lúc.

[1.5] Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả số tiền thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Mộng T2 đối với yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị Mộng T2 và anh Nguyễn Văn Tuấn C với bà Huỳnh Thị Kim P.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị Mộng T2, anh Nguyễn Văn Tuấn C liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà T2 đã nộp đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003016 ngày 26/9/2019 nên xem như các đương sự nộp xong án phí. Hoàn lại bà Huỳnh Thị Mỹ P 300.000 đồng án phí theo biên lai thu số 0014830 ngày 10/7/2018 của chi cục Thi hành án huyện Chợ Gạo.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hợp lệ bản án sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

## **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

### **\* Nơi nhận:**

- Tòa án nH dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**NGUYỄN THỊ MỸ LIL**